I. Giới thiệu về Konrad Lorenz

Konrad Zacharias Lorenz (1903–1989) – nhà động vật học, bác học hành vi và người sáng lập ngành **Ethology** (Khoa học nghiên cứu hành vi động vật trong môi trường tự nhiên).
Ông nhận **Giải Nobel Sinh lý & Y khoa năm 1973** cùng với **Nikolaas Tinbergen** và **Karl von Frisch** vì những phát hiện về tổ chức và kích hoạt các mẫu hành vi bẩm sinh.

Học thuyết của Lorenz có ảnh hưởng sâu sắc đến **tâm lý học phát triển**, đặc biệt:

- Thuyết **imprinting** (in vết) – nền tảng cho sự hiểu biết về gắn bó sơ khởi.
- Quan điểm **bản năng – di truyền** trong sự phát triển hành vi.
- Lý thuyết **giải tỏa – điều hòa xung năng gây hấn**.
- Mô hình **hành vi theo cơ chế kích hoạt (action-specific energy)**.

II. Học thuyết Imprinting (In vết)

(Khái niệm trung tâm, kinh điển trong phát triển sớm)

1. Khái niệm

Imprinting là hiện tượng tiếp thu nhanh, không thể đảo ngược, có tính sinh học, qua đó con non hình thành sự gắn bó đặc biệt với đối tượng đầu tiên mà nó quan sát sau khi sinh nở.

Đặc trưng:

- **Xảy ra trong "khoảng thời gian nhạy cảm" (critical period)**.
- Không đòi hỏi củng cố hay thưởng – **không phải học tập theo cơ chế hành vi**.
- Hình thành **một lần** và **bền vững**.
- Mang tính **bẩm sinh – thích nghi tiến hóa**.

2. Thử nghiệm kinh điển của Lorenz (1935–1937)

Lorenz chia trứng ngỗng thành hai nhóm:

- Nhóm nở gần **ngỗng mẹ** → đi theo mẹ.
- Nhóm nở gần **Lorenz** → ngỗng con "in vết" Lorenz, đi theo ông, coi ông là "mẹ".

Kết luận:

- Con vật **gắn bó với hình ảnh chuyển động đầu tiên mà nó nhìn thấy**.
- In vết là **tiền đề sinh học của sự gắn bó**.

3. Tầm quan trọng đối với tâm lý học phát triển

Dù imprinting không xảy ra ở người theo đúng nghĩa, Lorenz đặt nền móng cho:

- **Thuyết gắn bó của John Bowlby**
- Nhận thức về **các giai đoạn then chốt** trong phát triển tình cảm
- Các nghiên cứu về **ly thân – tách mẹ sớm**

III. Học thuyết hành vi bẩm sinh (Innate Behavior Patterns)

Lorenz cho rằng hành vi không chỉ là học được, mà còn:

- Mang tính **bẩm sinh**, được mã hóa di truyền.
- Có **mẫu hành vi cố định** (*Fixed Action Patterns – FAPs*).
- Bị kích hoạt bởi **tác nhân khởi phát đặc thù** (*sign stimuli* hoặc *releasers*).

1. Fixed Action Patterns (FAPs)

- Hành vi bẩm sinh, **được lập trình**, diễn ra trọn vẹn khi đã bắt đầu.
- Không bị gián đoạn bởi kích thích bên ngoài.
- Ví dụ: hành vi dọn tổ của chim biển, hành vi tấn công bảo vệ lãnh thổ.

2. Sign Stimuli (Releasers)

Kích thích chuyên biệt trong môi trường tự nhiên gây ra FAPs.

Ví dụ:

- Hình dáng đầu của chim non → kích hoạt chim bố mẹ mớm mồi.
- Chấm đỏ trên mỏ chim hải âu → kích thích hành vi "mổ vào điểm đỏ" của con non.

3. Action-Specific Energy

Lorenz xây dựng mô hình "bể năng lượng hành vi":

- Bản năng tích lũy thành "năng lượng hành động".
- Giá trị kích thích của tác nhân giải phóng quyết định thời điểm hành vi xuất hiện.
- Mô hình này giải thích sự bùng phát hành vi bản năng khi bị kìm nén lâu.

IV. Lý thuyết về Hành vi gây hấn (Aggression Theory)

Lorenz coi **sự gây hấn** là một bản năng mang tính tiến hóa, cần thiết cho:

- Bảo vệ lãnh thổ
- Xác lập thứ bậc xã hội
- Giảm xung đột nhóm
- Tối ưu hóa chọn lọc tự nhiên

1. Aggression as a Drive (Gây hấn như một xung năng)

Gây hấn hoạt động như "năng lượng" tích lũy theo thời gian và được giải tỏa khi có:

- Kích thích giải phóng
- Tác nhân xã hội
- Đối tượng phù hợp

2. Chức năng tiến hóa của gây hấn

- Giúp cá thể giành tài nguyên
- Thiết lập trật tự nhóm

- Đảm bảo sự thích nghi với môi trường

3. Cơ chế ức chế gây hấn trong loài (Intraspecies Inhibition)

- Động vật cùng loài có "tín hiệu xoa dịu" (submission signals).
- Loài người đôi khi thiếu các tín hiệu sinh học như động vật → gia tăng nguy cơ xung đột.

(Lưu ý: Một số quan điểm của Lorenz về gây hấn bị phê phán do khuynh hướng sinh học hóa quá mức.)

V. Quan điểm tiến hóa – bản năng của Lorenz trong phát triển con người

Dù nghiên cứu chủ yếu dựa trên động vật, Lorenz đã mở đường cho:

- **Tâm lý học tiến hóa**
- **Thuyết gắn bó của Bowlby** – sử dụng trực tiếp khái niệm critical period
- **Tâm lý học phát triển thần kinh (developmental neuropsychology)**
- **Nghiên cứu về hành vi xã hội, chọn lọc nhóm**
- **Hiểu biết về tính bẩm sinh trong hành vi người**

Một số ứng dụng trong tâm lý học phát triển:

1. Giai đoạn nhạy cảm trong phát triển cảm xúc

Ví dụ: trẻ 0–12 tháng có "giai đoạn vàng" để hình thành gắn bó an toàn.

2. Hành vi gắn bó sơ khởi của trẻ sơ sinh

- Hướng mắt theo người chăm sóc
- Nhận diện giọng nói mẹ
- Khóc – bám – mỉm cười

3. Các mẫu hành vi bẩm sinh ở trẻ

- Phản xạ bú
- Phản xạ Moro
- Mẫu hình mỉm cười xã hội

VI. Phê phán và hạn chế

1. **Sinh học hóa quá mức**:
   Lorenz đôi khi xem hành vi là bẩm sinh tuyệt đối, bỏ qua vai trò của môi trường – giáo dục.
2. **Từ động vật suy diễn sang con người**:
   Một số mẫu hành vi ở động vật không thể áp dụng trực tiếp cho người.
3. **Khái niệm "năng lượng hành vi" thiếu bằng chứng thần kinh học**.
4. **Lý thuyết gây hấn** bị phê phán vì mang màu sắc bảo thủ – bản chất con người không chỉ là tấn công mà còn có khả năng hợp tác, đồng cảm.

VII. Đóng góp của Konrad Lorenz

- **Đặt nền tảng cho Ethology** – nghiên cứu hành vi trong môi trường tự nhiên.
- Khám phá **imprinting** → ảnh hưởng trực tiếp đến thuyết **attachment** của Bowlby.
- Phát triển mô hình **Fixed Action Patterns**.
- Thúc đẩy nghiên cứu về **critical periods** trong phát triển.
- Ảnh hưởng lớn đến **tâm lý học tiến hóa, sinh học hành vi, tâm lý học phát triển sớm**.
- Giải Nobel 1973 ghi nhận đóng góp vào hiểu biết về hành vi bẩm sinh.

VIII. Kết luận

Học thuyết của Konrad Lorenz tạo nền tảng cho cách hiểu hiện đại về:

- Bản năng và di truyền
- Gắn bó sớm
- Vai trò của môi trường tự nhiên trong hành vi
- Các giai đoạn nhạy cảm của phát triển

Trong tâm lý học phát triển, Lorenz là “cửa ngõ dẫn vào” các lý thuyết hiện đại về **gắn bó, tiến hóa, và phát triển cảm xúc – xã hội**.